

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **1126** /UBNDNNTN

Quảng Ngãi, ngày **19** tháng 3 năm 2020

V/v tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện việc sử dụng vốn NSTW hỗ trợ thực hiện các dự án gia cố hệ thống đê điều xung yếu giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Theo đề nghị của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 1098/BNN-PCTT ngày 14/02/2020 về việc tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện việc sử dụng vốn NSTW hỗ trợ thực hiện các dự án gia cố đê điều xung yếu giai đoạn 2016 - 2020, UBND tỉnh Quảng Ngãi báo cáo một số nội dung chính như sau:

1. Kết quả rà soát, tổng hợp nguồn vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện các dự án gia cố hệ thống đê xung yếu giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Toàn tỉnh có 87,53 km đê sông, đê biển và đê cửa sông. Hệ thống đê, kè hiện có trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi chủ yếu mang tính chất tạm thời (*trừ hệ thống đê, kè được đầu tư bởi ngân sách nhà nước, các dự án ODA và nguồn vốn tu bổ đê điều hàng năm do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý*).

Từ năm 2016 đến nay, tỉnh Quảng Ngãi được Trung ương hỗ trợ đầu tư với kinh phí: 716.924 triệu đồng (*đã tính phần cam kết hỗ trợ đối với các dự án đang triển khai thực hiện*) đê gia cố, tu bổ nâng cấp, xây dựng mới 32,95 km đê; bảo vệ khoảng 17.414 ha đất sản xuất và khoảng 29.800 người (*Cụ thể tại Phụ lục 01 kèm theo*)

2. Đánh giá hiện trạng hệ thống đê điều

Hầu hết các công trình đê điều được đầu tư xây dựng, tu bổ, nâng cấp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi trong thời gian gần đây phát huy tốt hiệu quả và vận hành đảm bảo an toàn. Tuy nhiên, đối với các công trình trước đây được xây dựng theo phương châm “Nhà nước và Nhân dân cùng làm hoặc Nhân dân làm Nhà nước hỗ trợ”, chủ yếu đắp bằng vật liệu địa phương, nay bị sạt lở cục bộ, thấm qua thân đê, xuất hiện mạch dùn, mạch sùi ở chân đê phía đồng. Cụ thể một số vị trí xung yếu cần được quan tâm đầu tư khẩn cấp như:

- Đê Bình Trung, huyện Bình Sơn được xây dựng từ trước năm 1975. Bằng nguồn vốn tu bổ đê điều thường xuyên được Bộ Nông nghiệp và Phát

triển nông thôn hỗ trợ và các nguồn vốn địa phương đầu tư, đến nay Đê Bình Trung đã được tu bổ, nâng cấp 1 km; còn khoảng 2 km chưa được kiên cố, nhiều vị trí bị sạt lở, mặt cắt ngang không đảm bảo chống lũ (các năm 2015, 2017 lũ sắp tràn qua đê, uy hiếp trực tiếp các khu dân cư ngay sau đê với khoảng 230 hộ thuộc thôn Tiên Đào, xã Bình Trung, huyện Bình Sơn); một số vị trí bị thấm qua đê, xuất hiện một số mạch đùn, mạch sùi ở phía đồng cách chân đê từ 10 - 30 mét, chính quyền và nhân dân địa phương phải xử lý tạm thời bằng việc xếp bao tải cát trên đỉnh đê để ngăn lũ và làm giếng lọc tại các mạch đùn, mạch sùi. Vì vậy, tuyến đê này rất cần được gia cố, hoàn thiện để có thể đảm bảo chống lũ, bảo vệ cho khoảng 600 hộ/2.100 khẩu và khoảng 1.200 ha đất sản xuất nông nghiệp, cũng như công trình hạ tầng khác trong khu vực.

- Đê tả sông Thoa đoạn qua thôn Hải Tân, xã Phổ Quang (ngoài phạm vi dự án Tiêu úng thoát lũ, chống sạt lở vùng hạ du sông Thoa) có chiều dài khoảng 1,2 km, được đắp bằng vật liệu địa phương và vật liệu gia cố tạm, đến nay, bị sạt lở mái nhiều đoạn nhưng chưa có kinh phí để gia cố, nâng cấp.

- Đê, kè bờ tả sông Trà Câu (đoạn qua xã Phổ Thuận) có chiều dài 1,5 km, được đắp bằng vật liệu địa phương, hiện nay, đã xuống cấp, sạt lở, không đảm bảo kích thước mặt cắt ngang nhưng chưa có kinh phí để gia cố, nâng cấp.

Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh còn một số tuyến đê làm nhiệm vụ phòng, chống lũ cho các lưu vực sông lớn (sông Trà Bồng, sông Trà Câu) đã xuống cấp, hư hỏng và đã được quy hoạch tu bổ, nâng cấp, xây dựng hoàn thiện nhưng chưa đảm bảo được kinh phí đầu tư, như: Đê Tre Làng (xã Bình Minh - xã Bình Trung), Phổ Minh (giai đoạn 2),...

3. Để đảm bảo việc đầu tư gia cố các vị trí đê điều xung yếu phù hợp với hiện trạng, an toàn hệ thống đê; trên cơ sở tính cấp thiết phải gia cố, tỉnh Quảng Ngãi tổng hợp danh mục dự án và sắp xếp thứ tự ưu tiên cho đề xuất danh mục 03 vị trí đê xung yếu cần gia cố cấp bách và 09 tuyến, vị trí đê xuống cấp cần đầu tư tu bổ, nâng cấp trong thời gian tiếp theo với tổng chiều dài 32,65 km, kinh phí khoảng 1.406.300 triệu đồng.

Trong đó, có 03 vị trí đê điều xung yếu cấp thiết cần gia cố cấp bách, với tổng chiều dài 4,7 km, khái toán kinh phí khoảng 145.000 triệu đồng, gồm:

a) Đê Bình Trung - Bình Minh (đoạn qua xã Bình Trung): Dài 2 km; bảo vệ khoảng 600 hộ/2.100 người, 1.200 ha đất sản xuất nông nghiệp và công trình hạ tầng khác trong khu vực. Khái toán kinh phí 85.000 triệu đồng.

b) Đê, kè bờ tả sông Thoa đoạn qua thôn Hải Tân, xã Phổ Quang, huyện Đức Phổ: Dài 1,2 km; bảo vệ khoảng 1.250 người, 45 ha đất sản xuất nông nghiệp, thủy sản. Khái toán kinh phí 20.000 triệu đồng.

c) Đê, kè bờ tả sông Trà Câu (đoạn qua xã Phổ Thuận): Dài 1,5 km; bảo vệ khoảng 1.500 người, 50 ha đất sản xuất nông nghiệp. Khái toán kinh phí 40.000 triệu đồng.

(Cụ thể tại các Phụ lục 02, 03 kèm theo)

Kính đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quan tâm xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định hỗ trợ./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Tổng cục Phòng, chống thiên tai;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- VPUB: CVP, PCVP(NN), TH, CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TN(tnh185).

**CHỦ TỊCH**



**Trần Ngọc Căng**

**Phụ lục 01:**  
**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN GIA CỐ HỆ THỐNG ĐÊ ĐIỀU XUNG YẾU**  
**TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG HỖ TRỢ GIAI ĐOẠN 2016-2020**  
**Tỉnh: Quảng Ngãi**

(Kèm theo Công văn số 1126 /UBND-NNTN ngày 19 /3/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)



TT	Tên dự án gia cố đê điều xung yếu/ tuyến đê	Địa điểm xây dựng	Vị trí (Km-Km)	Chiều dài (Km)	Cấp đê	Diện tích được tuyên đê bảo vệ (ha)	Số dân được tuyên đê bảo vệ (người)	Ngân sách TW hỗ trợ (triệu đồng)	Tổng vốn đầu tư (triệu đồng)	Ghi chú
1	Đê kè Hòa Hà	Xã Nghĩa Hòa, huyện Tư Nghĩa và xã Nghĩa Hà, Thành phố Quảng Ngãi	K0 - K5+482	5,482	IV	1.000	15.000	76.796	125.991	Dự án thuộc chương trình 667/QĐ-TTg
2	Đê Phô Minh	Xã Phô Minh, huyện Đức Phổ	K0 - K1+425	1,425	IV	300	1.000	68.373	72.786	Dự án thuộc chương trình 667/QĐ-TTg
3	Dự án tiêu úng thoát lũ sông Thoa	- Xã: Đức Chánh, Đức Minh, Đức Hòa, Đức Phú, Đức Hiệp, Đức Tân, Đức Thạnh, Đức Phong, Đức Lân, huyện Mộ Đức. - Xã: Phô Thuận, Phô An, Phô Văn, Phô Quang, Phô Cường, Phô Vinh, Phô Minh, huyện Đức Phổ. - Xã Hành Thịnh, huyện Nghĩa Hành.	K0+257,6 - K25+111	19,189	III	6.000		270.400	338.000	Dự án tiêu úng và thoát lũ, phòng chống lũ sớm và lũ muộn và lũ tiểu mãn, ngăn mặn giữ ngọt bảo đảm sản xuất nông nghiệp
4	Đê bao ứng phó với biến đổi khí hậu, phát triển hạ tầng khu vực xã Tịnh Kỳ và phía Đông huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi (nay là phía Đông Bắc thành phố Quảng Ngãi)	Xã Tịnh Kỳ, thành phố Quảng Ngãi	K0 - K3+583,59	3,583	IV	64	8.000	130.000	184.000	Đang thực hiện

TT	Tên dự án gia cố đê điều xung yếu/ tuyến đê	Địa điểm xây dựng	Vị trí (Km-Km)	Chiều dài (Km)	Cấp đê	Diện tích được tuyến đê bảo vệ (ha)	Số dân được tuyến đê bảo vệ (người)	Ngân sách TW hỗ trợ (triệu đồng)	Tổng vốn đầu tư (triệu đồng)	Ghi chú
5	Đê biển thôn Thạnh Đức, xã Phở Thạnh, huyện Đức Phổ	Xã Phở Thạnh, huyện Đức Phổ	K0 - K2+420	2,42	V	50	800	96.355	146.155	Đang thực hiện
6	Các tuyến đê biển huyện Lý Sơn	Huyện Lý Sơn	K0 - K0+855	0,855	IV	10.000	5.000	75.000	85.000	Đã phê duyệt dự án.
	<b>Tổng cộng</b>			<b>32,95</b>		<b>17.414</b>	<b>29.800</b>	<b>716.924</b>	<b>951.932</b>	



**Phụ lục 02:**

**DANH MỤC ĐỀ XUẤT HỖ TRỢ KINH PHÍ ĐỀ GIA CỎ CẤP BÁCH**

**Tỉnh: Quảng Ngãi**

*theo văn số 126 /UBND-NNTN ngày 19 /3/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)*

TT	Danh mục/ vị trí trọng điểm đề điều chỉnh yếu	Chiều dài (Km)	Cấp đề	Diện tích được tuyến đề bảo vệ (ha)	Dân được tuyến đề bảo vệ (người)	Tính xung yếu của vị trí trọng điểm	Danh mục đề xuất gia cỏ cấp bách	Sơ bộ giải pháp kỹ thuật xử lý	Kinh phí (triệu đồng)
1	Đê Bình Trung - Bình Minh (đoạn qua xã Bình Trung)	2,0	IV	1200	2.100	Xuống cấp, hư hỏng nặng, không đảm bảo kích thước mặt cắt ngang, có mạch đùn, mạch sùi ở phía đồng	Cấp bách	Khôi phục mặt cắt ngang đê, gia cỏ chân đê bằng rọ đá, bê tông, ống buy đá hộc; đắp đủ mặt cắt ngang và kiên cố mái bằng bê tông, đá lát; xử lý thấm qua đê	85.000
2	Đê, kè bờ tả sông Thoa đoạn qua thôn Hải Tân, xã Phổ Quang, huyện Đức Phổ (ngoài phạm vi dự án Tiêu úng thoát lũ sông Thoa)	1,2	IV	45	1.250	Xuống cấp, sạt lở mặt đê, mái đê không đảm bảo kích thước mặt cắt ngang	Cấp bách	Khôi phục mặt cắt ngang đê, gia cỏ chân đê bằng rọ đá, bê tông, ống buy đá hộc; đắp đủ mặt cắt ngang và kiên cố mái bằng bê tông, đá lát	20.000
3	Đê, kè bờ tả sông Trà Câu (đoạn qua xã Phổ Thuận)	1,5	IV	50	1.500	Xuống cấp, sạt lở mặt đê, mái đê không đảm bảo kích thước mặt cắt ngang	Cấp bách	Khôi phục mặt cắt ngang đê, gia cỏ chân đê bằng rọ đá, bê tông, ống buy đá hộc; đắp đủ mặt cắt ngang và kiên cố mái bằng bê tông, đá lát	40.000
<b>Tổng cộng</b>		<b>4,70</b>		<b>1.295</b>	<b>4.850</b>				<b>145.000</b>

**Phụ lục 03:**  
**DANH MỤC TUYỂN ĐỀ OAN ĐẦU TƯ GIA CỐ, NÂNG CẤP, XÂY DỰNG HOÀN THIỆN TRONG THỜI GIẠN ĐỀN**  
**Tỉnh: Quảng Ngãi**



(Kèm theo Quyết định số 126 /UBND-NNTN ngày 9 /3/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Danh mục/ vị trí trọng điểm đề điều xung yếu	Chiều dài (Km)	Cấp đề	Diện tích được tuyển đề bảo vệ (ha)	Dân được tuyển đề bảo vệ (người)	Tính xung yếu của vị trí trọng điểm	Danh mục đề xuất gia cố cấp bách	Sơ bộ giải pháp kỹ thuật xử lý	Kinh phí (triệu đồng)
1	Đê Bình Minh - Bình Trung (đoạn còn lại theo Quy hoạch)	4,72	IV	12.500	3.620	Xuống cấp, sạt lở, không đảm bảo kích thước mặt cắt ngang	Xung yếu	Khôi phục mặt cắt ngang, gia cố chân đê bằng rọ đá, bê tông; kiên cố mái bằng bê tông, đá lát	148.600
2	Đê Tre Làng	1,14	IV	120	200	Xuống cấp, sạt lở, không đảm bảo kích thước mặt cắt ngang	Xung yếu	Khôi phục mặt cắt ngang, gia cố chân đê bằng rọ đá, bê tông; kiên cố mái bằng bê tông, đá lát	23.500
3	Đê Phổ Minh (giai đoạn 2)	1,20	IV	70	2.000	Xuống cấp, sạt lở, không đảm bảo kích thước mặt cắt ngang	Xung yếu	Khôi phục mặt cắt ngang, gia cố chân đê bằng rọ đá, bê tông; kiên cố mái bằng bê tông, đá lát	110.000
4	Đê, kè Đức Lợi	6,0	IV	1.100	3.620	Xuống cấp, sạt lở, không đảm bảo kích thước mặt cắt ngang	Xung yếu	Khôi phục mặt cắt ngang, gia cố chân đê bằng rọ đá, bê tông; kiên cố mái bằng bê tông, đá lát	419.400
5	Đê Phổ Vinh	3,0	IV	1.100	3.620	Xuống cấp, sạt lở, không đảm bảo kích thước mặt cắt ngang	Xung yếu	Khôi phục mặt cắt ngang, gia cố chân đê bằng rọ đá, bê tông; kiên cố mái bằng bê tông, đá lát	125.300

TT	Danh mục/ vị trí trọng điểm đê điều xung yếu	Chiều dài (Km)	Cấp đê	Diện tích được tuyên đê bảo vệ (ha)	Dân được tuyên đê bảo vệ (người)	Tính xung yếu của vị trí trọng điểm	Danh mục đề xuất gia cố cấp bách	Sơ bộ giải pháp kỹ thuật xử lý	Kinh phí (triệu đồng)
6	Đê Bình Dương	3,2	IV	350	2.676	Xuống cấp, sạt lở, không đảm bảo kích thước mặt cắt ngang	Xung yếu	Khôi phục mặt cắt ngang, gia cố chân đê bằng rọ đá, bê tông; kiên cố mái bằng bê tông, đá lát	32.400
7	Đê Bình Thạnh	2,35	IV	100	200	Xuống cấp, sạt lở, không đảm bảo kích thước mặt cắt ngang	Xung yếu	Khôi phục mặt cắt ngang, gia cố chân đê bằng rọ đá, bê tông; kiên cố mái bằng bê tông, đá lát	23.500
8	Đê Bàu Nú	0,35	IV	75	2.000	Xuống cấp, sạt lở, không đảm bảo kích thước mặt cắt ngang	Xung yếu	Khôi phục mặt cắt ngang, gia cố chân đê bằng rọ đá, bê tông; kiên cố mái bằng bê tông, đá lát	16.700
9	Đê Phổ Thạnh	2,5	IV	450	1.480	Xuống cấp, sạt lở, không đảm bảo kích thước mặt cắt ngang	Xung yếu	Khôi phục mặt cắt ngang, gia cố chân đê bằng rọ đá, bê tông; kiên cố mái bằng bê tông, đá lát	25.000
10	Đê, kè Sa Huỳnh	3,45	IV	800	5.000	Xuống cấp, sạt lở, không đảm bảo kích thước mặt cắt ngang	Xung yếu	Khôi phục mặt cắt ngang, gia cố chân đê bằng rọ đá, bê tông; kiên cố mái bằng bê tông, đá lát	336.900
	<b>Tổng cộng</b>	<b>27,95</b>		<b>16.665</b>	<b>24.416</b>				<b>1.261.300</b>